TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 220/2018/QĐST- HNGĐ	*Cẩm Phả, ngày 27 tháng 7 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2018/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Thế T, sinh năm: 1982.

Nơi đăng ký HKTT tại: Tổ 7, khu S, phường S1, thành phố P, tỉnh N.

Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm: 1994.

Nơi đăng ký HKTT tại: Thôn 6, xã M, huyện H, tỉnh N.

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Thế T với chị Phạm Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thế T và chị Phạm Thị N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Thế T và chị Phạm Thị N có một con chung là: Lê Tiến Đ, sinh ngày 23/3/2015. Khi ly hôn, chị N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Tiến Đ đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng cho con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị N không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T tự nguyện nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại anh T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009983 ngày 23/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố P;
- TAND tỉnh N;
- Chi cục THADSTP P;
- UBND phường S1;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Trọng H